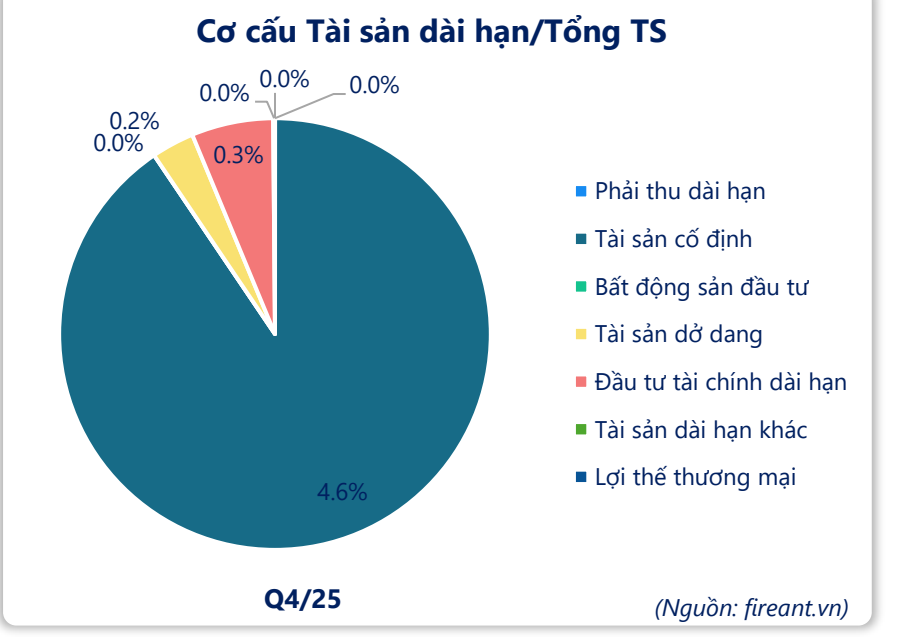
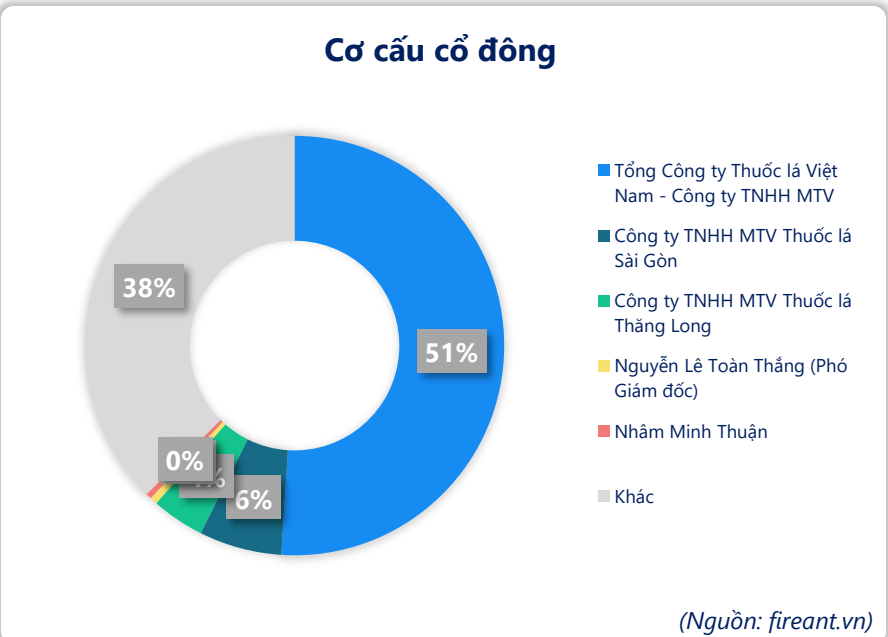
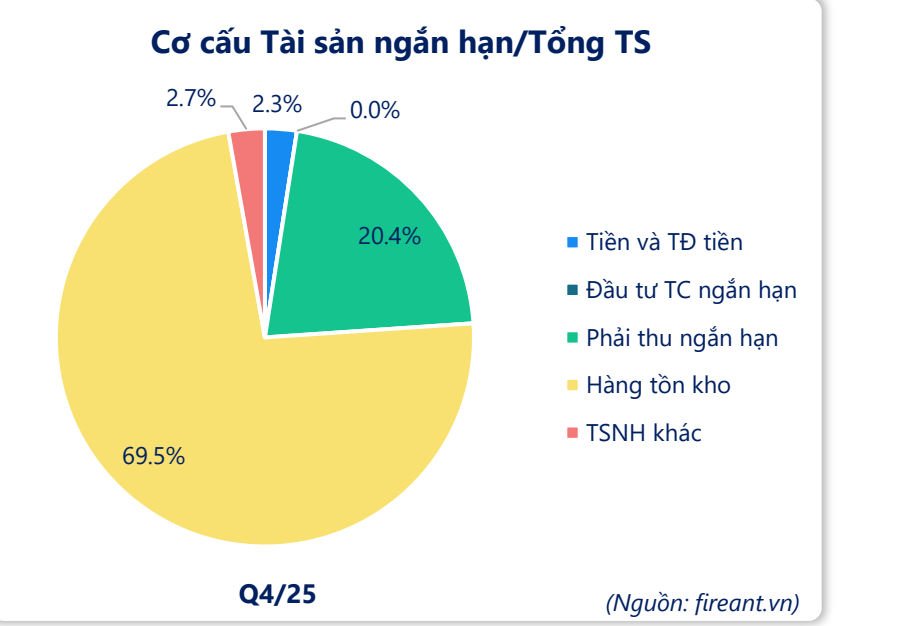
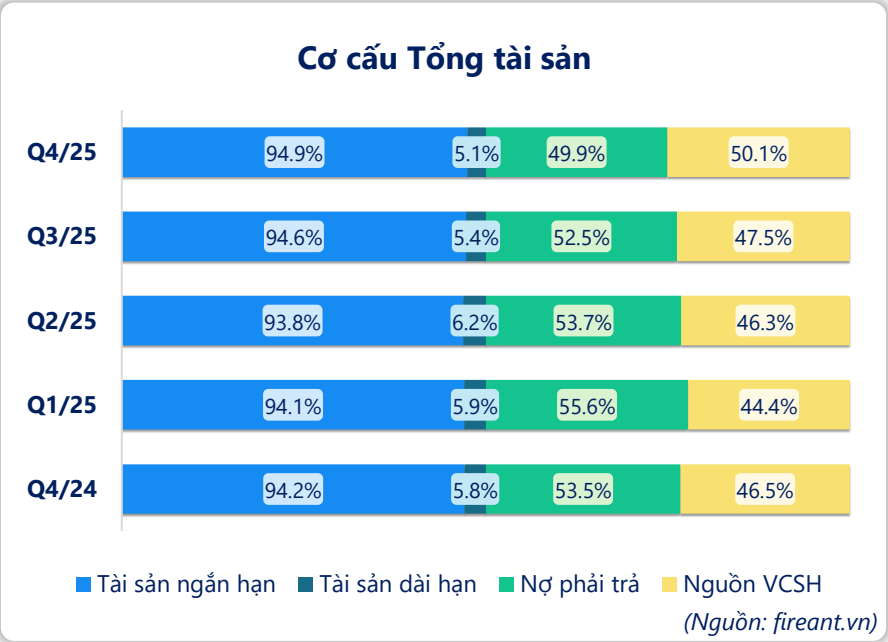
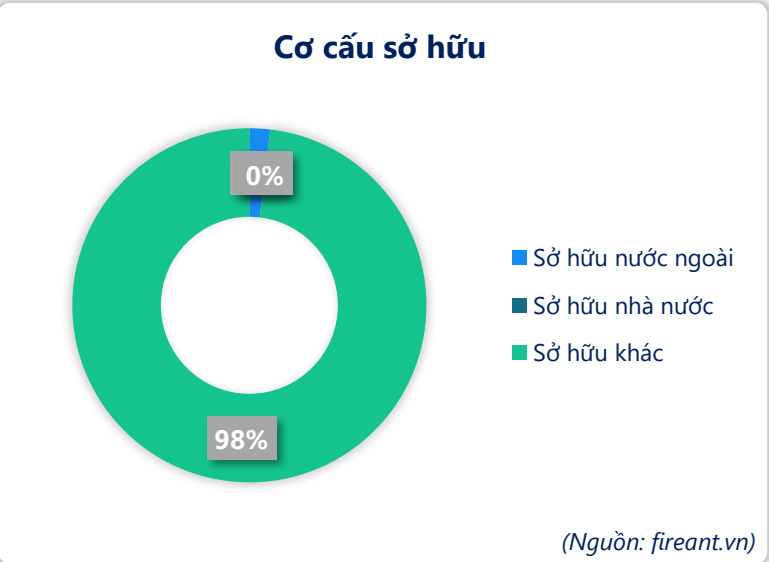
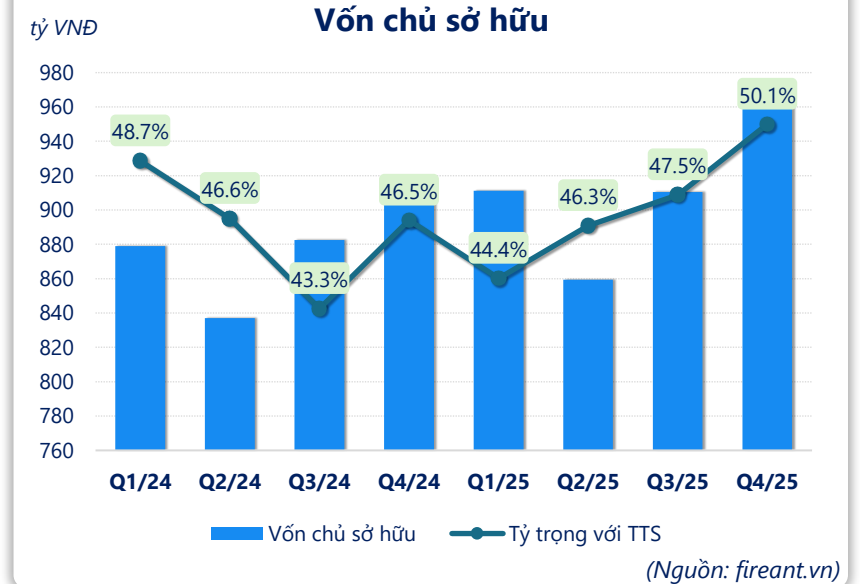
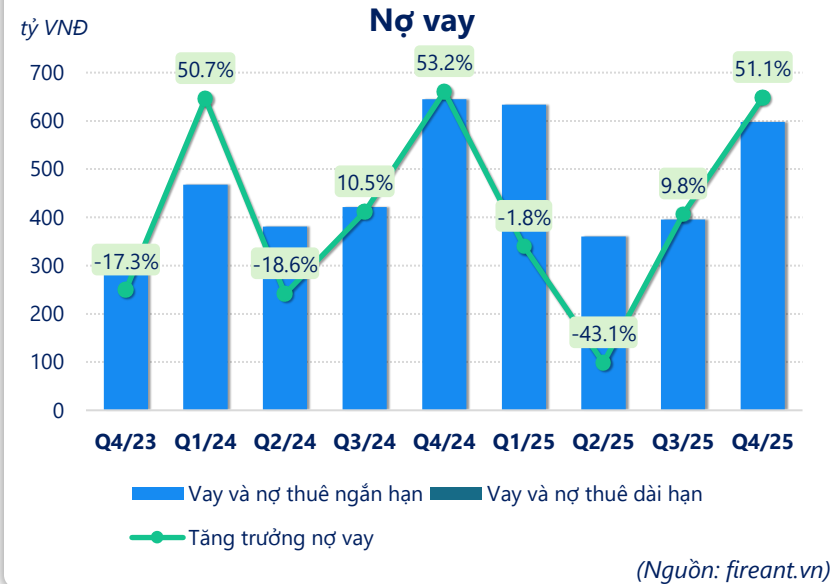
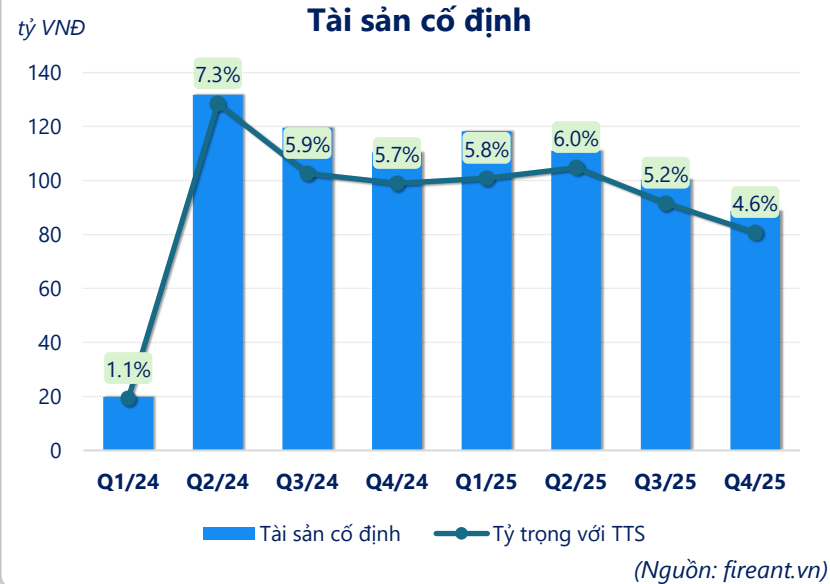
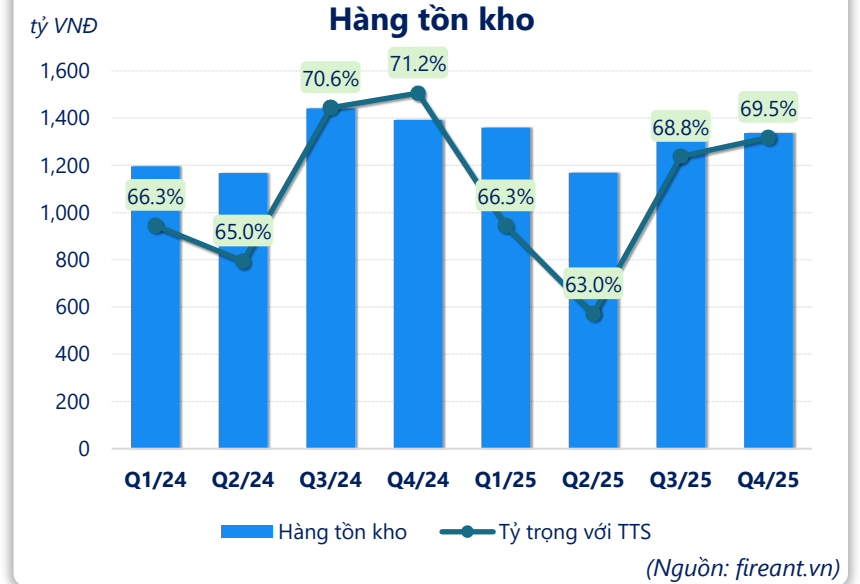
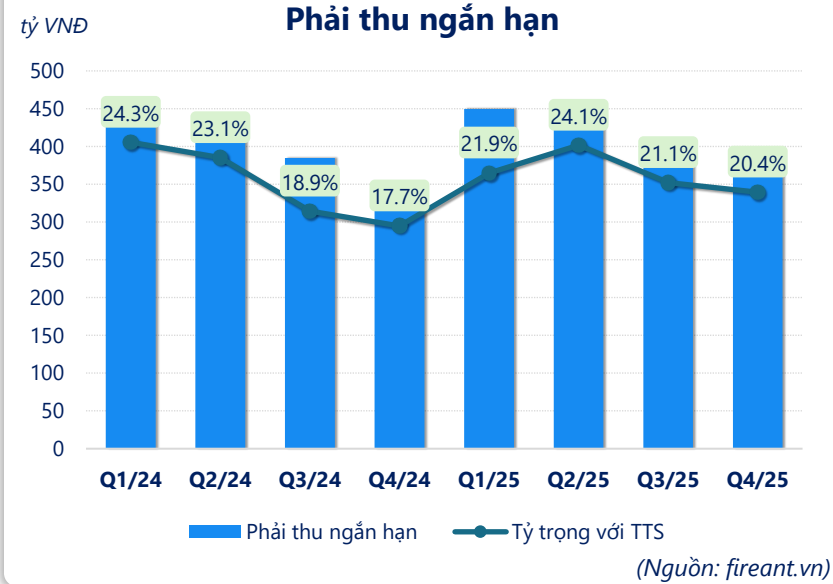
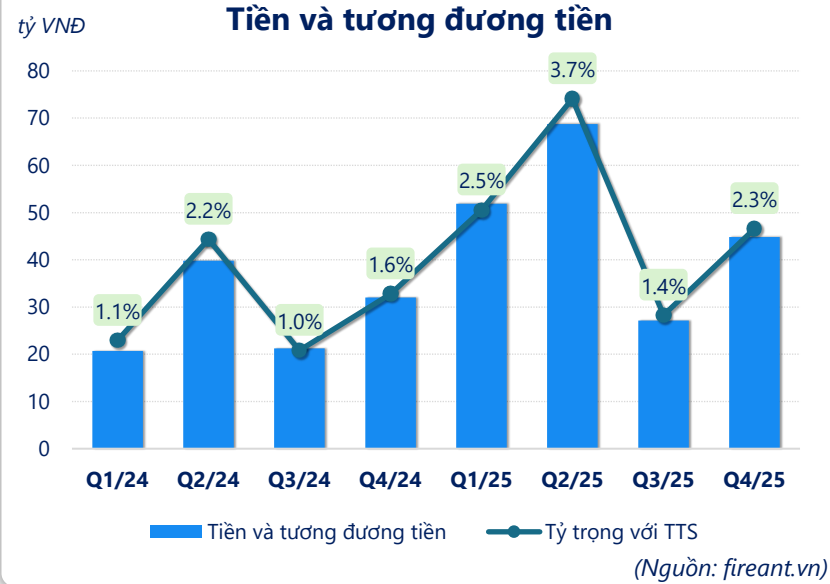
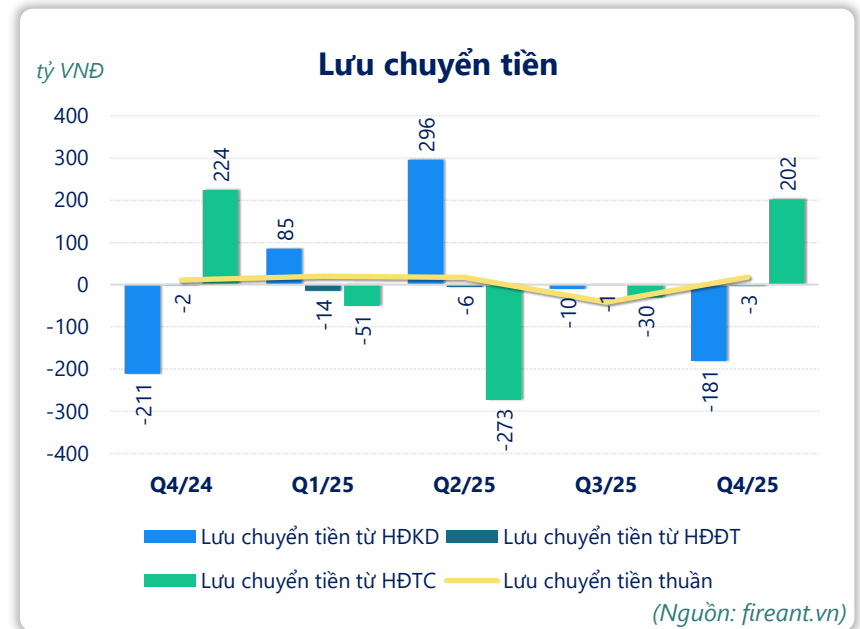
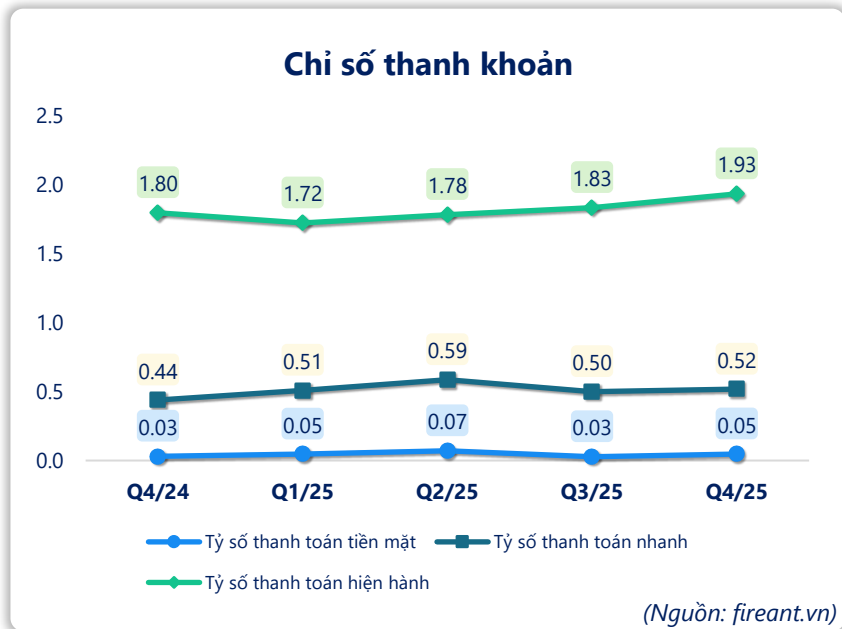
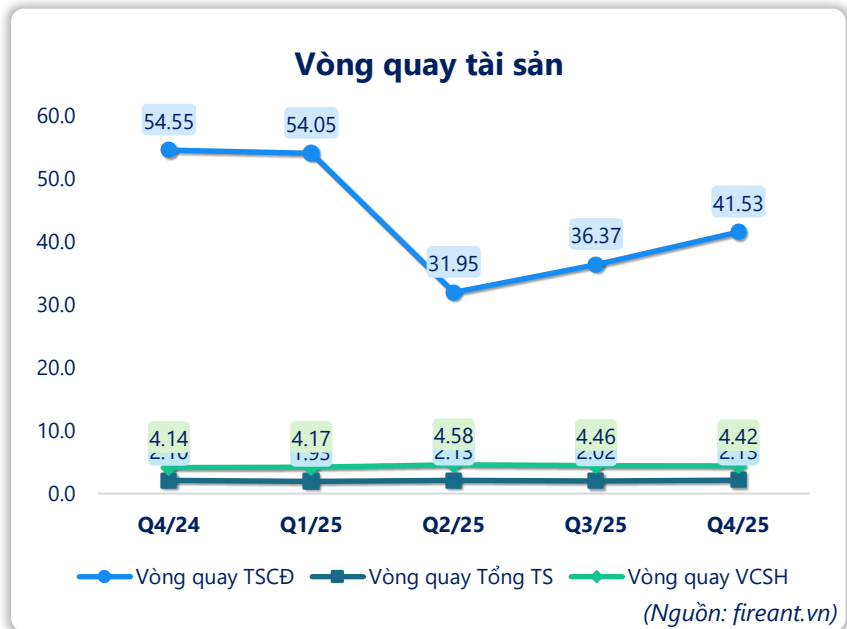
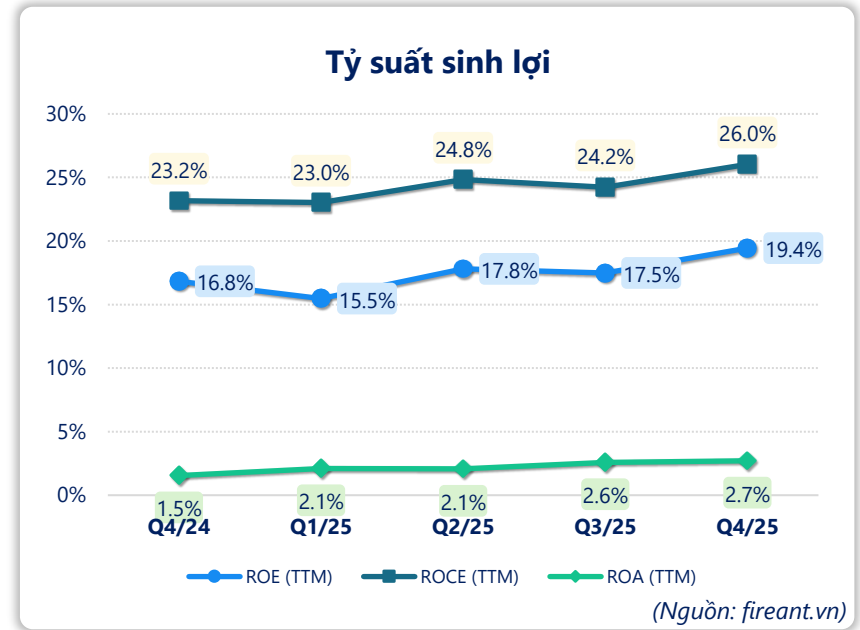
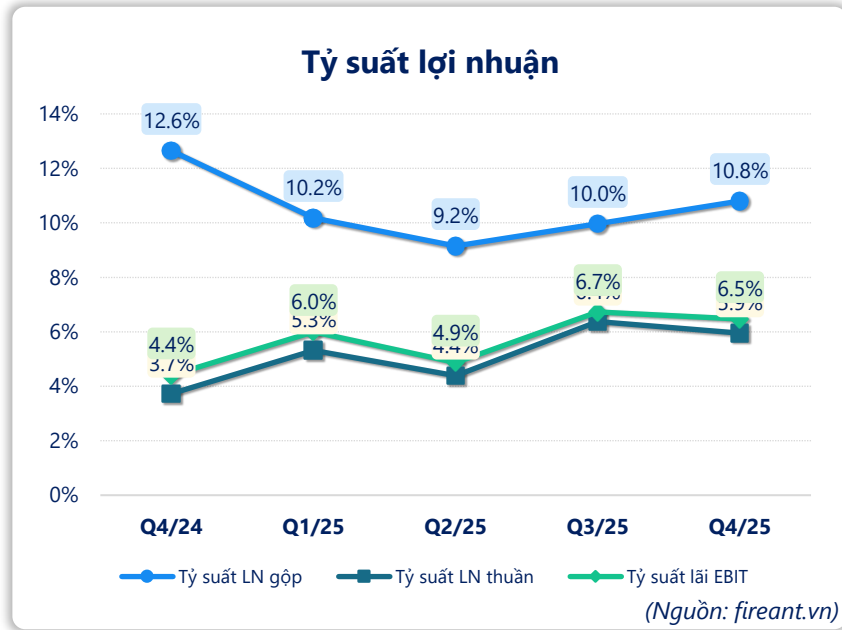
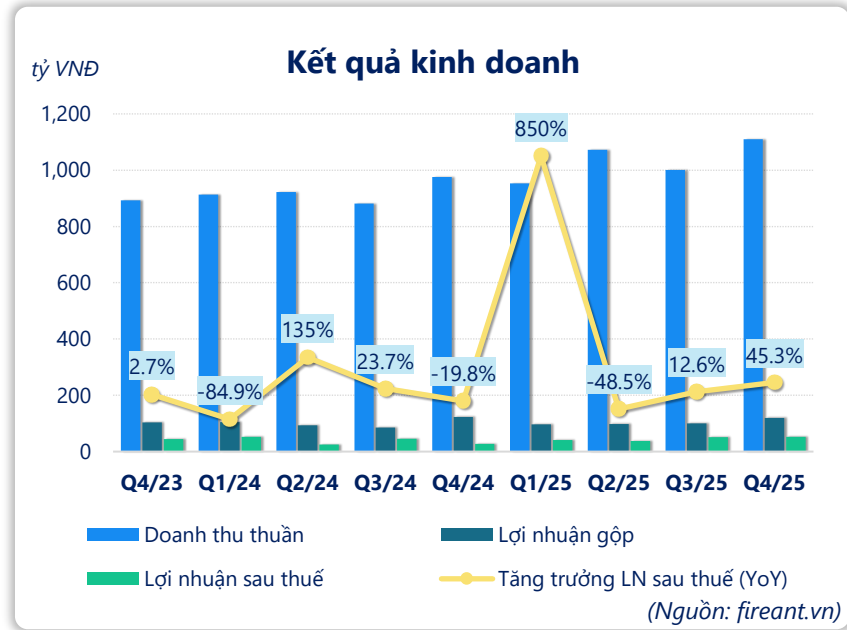


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		56,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		56,374
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		42,125
SL cổ phiếu LH		26,207,583
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,495
% sở hữu nước ngoài		1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,473
P/E		8.1
EPS		6,946

	YTD	1T	3T	6T
CLC	17.6%	8.1%	11.2%	15.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,923	1,955	-1.7%
Tài sản ngắn hạn	1,825	1,841	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	44.8	32.0	39.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	392	346	13.3%
Hàng tồn kho	1,337	1,392	-3.9%
Tài sản ngắn hạn khác	51.3	71.7	-28.5%
Tài sản dài hạn	98.0	114	-14.1%
Phải thu dài hạn	0.01	0	
Tài sản cố định	88.7	110	-19.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.14	0.11	2881%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.00	3.23	85.8%
Tài sản dài hạn khác	0.13	0.16	-17.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	960	1,045	-8.2%
Nợ ngắn hạn	944	1,025	-7.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	598	645	-7.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	271	323	-16.1%
Nợ dài hạn	16.0	20.8	-22.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	963	910	5.9%
Vốn chủ sở hữu	963	910	5.9%
Vốn điều lệ	262	262	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	975	953	1,072	1,001	1,110
Giá vốn hàng bán	852	856	974	901	990
Lợi nhuận gộp	123	97.0	98.1	99.7	120
Doanh thu HĐTC	1.99	1.83	2.36	2.24	1.16
Chi phí TC	24.8	16.5	18.1	14.3	15.0
Chi phí lãi vay	6.38	6.31	5.10	3.38	5.81
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	15.4	7.55	9.73	8.11	6.71
Chi phí QLDN	48.8	24.1	25.6	15.8	33.5
LN thuần từ HĐKD	36.4	50.7	47.1	63.8	66.0
Lợi nhuận khác	0.19	0.15	0.05	0.17	0.02
LN trước thuế	36.6	50.8	47.1	64.0	66.1
Lợi nhuận sau thuế	27.2	40.6	37.7	51.2	52.5
LNST của CĐ cty mẹ	27.2	40.6	37.7	51.2	52.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-211	84.9	296	-10.3	-181
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.77	-14.4	-5.76	-0.92	-3.37
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	224	-50.6	-273	-30.4	202
Tiền đầu kỳ	21.2	32.0	51.9	68.7	27.1
Lưu chuyển tiền thuần	10.8	19.8	16.8	-41.6	17.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.01	-0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	32.0	51.9	68.7	27.1	44.8

(Nguồn: fireant.vn)